

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-06-2024

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân: ông Châu Kim Ba và bà Phạm Thị Nhung.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2024 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Thạch T, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ B, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* bà Neáng K, sinh năm 1996; nơi cư trú: tổ B, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Thạch T trình bày:*

Về hôn nhân: ông T và bà K tự chung sống vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, đến ngày nay nhưng không có đăng ký kết hôn; cuộc sống hôn nhân thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng thời gian sau thì không còn hoà hợp, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, từ năm 2014 cho đến nay sống ly thân nhau; tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Neáng K.

Về con chung: ông T và bà K có 01 con chung tên Thạch Sô Ma L, sinh ngày 20/7/2012; hiện con chung đang sống với ông T. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

2. Ý kiến của bị đơn bà Néang K1 trình bày:

Thông nhất thời gian tiến đến hôn nhân trong năm 2010; có tổ chức lễ cưới; chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn; sau khi cưới nơi sống bên gia đình bà tại ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do tính tình không hợp; thường xuyên cãi vã nhau nên từ năm 2014 đã sống ly thân nhau là đúng; hiện tại giữa hai bên đều có gia đình khác, không còn qua lại nhau nên ông Tào x ly hôn, bà K1 đồng ý.

Về con chung: có 01 đứa con chung tên Thạch Sô Ma L, sinh ngày 20/7/2012, đang sống chung với ông T; khi ly hôn bà K1 đồng ý giao con cho ông T nuôi dưỡng; bà K1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông T, bà K1 đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, không ai giao nộp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn bà K1 có nơi cư trú trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà K1 được xác lập vào năm 2010 trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn ông T, bị đơn bà K1, đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà K1 tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình 2000 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm c Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.

Do đó, ông Thạch T, bà Néang K1 có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: ông T và bà K1 có 01 đứa con chung tên Thạch Sô Ma L, sinh ngày 20/7/2012, đang sống chung với ông T. Khi ly hôn, ông T xin quyền nuôi con được bà K1 đồng ý; con chung cháu Thạch S Ma Lai có nguyện vọng ở với ông T nên Hội đồng xét có căn cứ giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết và cùng khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: ông Thạch T là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Bị đơn bà Néang K1 không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 11, tại 91, 92, 93 và Điều 94 Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Thạch Tào

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Thạch T và bà Néang K1 là vợ chồng.

Về con chung: giao con chung tên Thạch Sô Ma L, sinh ngày 20/7/2012 cho ông Thạch T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Thạch T là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Néang K1 bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Thạch T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010773 ngày 22 tháng 03 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú